TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2019/DS-PT
Ngày: 10-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lộc và ông Nguyễn Văn Quản

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dụng Thị Mỹ Ái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 và ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2019/TLPT-DS ngày 25/01/2019, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2018/DSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXX-PT ngày 16/5/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức Q - sinh năm 1971; địa chỉ khu dân cư PX, dự án VHP, xã PX, huyện NB, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Q Đ - sinh năm 1948; địa chỉ phường XA, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Trung Hoài - Địa chỉ 100A Đào Duy Anh, Phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh; là Luật sư của Văn phòng luật sư Phan Trung Hoài thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: 1. Bà Đoàn Thị D - sinh năm 1957;

2. Ông Trương Minh H - sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: Khu phố 1, phường ĐL, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận .

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Minh H: Bà Đoàn Thị D tham gia tố tụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thúy V - sinh năm 1970; địa chỉ khu dân cư PX, dự án VHP, xã PX, huyện NB, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thúy V: Ông Phạm Q Đ - sinh năm 1948; địa chỉ phường XA, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Đoàn Thị D và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, bản trình bày và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Đức Q với bà Đoàn Thị D và ông Trương Minh H đã tự nguyện ký hợp đồng vay được thể hiện bằng hợp đồng soạn thảo ngày 01/7/2010 và được Văn phòng công chứng Phan Thiết công chứng hợp pháp ngày 09/8/2010. Theo đó, ông Q cho vợ chồng bà Đoàn Thị D và ông Trương Minh H vay số tiền 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng) với lãi suất 3%/ tháng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 09/8/2010 tới 09/8/2011. Phương thức vay: Cho vay bằng tiền mặt, được giao tiền một lần ngay sau khi ký hợp đồng tại Văn phòng Công chứng Phan Thiết. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng công trình trường mầm non, trường tiểu học Thanh Nguyên tại khu dân cư Đông Xuân An, thành phố Phan Thiết. Ông Q đã thực hiện đúng những điều đã ghi trong hợp đồng như quy định tại Điều 2 khoản 2: Sau khi ông Q ký hợp đồng đã giao đủ tiền mặt một lần là 15.000.000.000 đồng tại Văn phòng Công chứng Phan Thiết cho bà Đoàn Thị D và ông Trương Minh H. Đến hạn trả nợ ngày 10/8/2011, ông Q yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông H, bà D vẫn chưa trả số tiền gốc và tiền lãi đã vay cho ông Q nên ngày 09/4/2013, ông Nguyễn Đức Q đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà D phải trả tiền nợ gốc và lãi.

Tại bản án sơ thẩm số 18/2014/DSST ngày 24/4/2014 Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã buộc bà Đoàn Thị D và ông Trương Minh H trả nợ tổng cộng gốc và lãi là 21.828.750.000 đồng. Tại bản án phúc thẩm số 118/DSPT ngày 29/9/2014 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận không chấp nhận kháng cáo của bà D, ông H giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Tại quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án sơ thẩm số 18/2014/DSST ngày 24/4/2014 Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết và bản án phúc thẩm số 118/DSPT ngyà 29/9/2014 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận để làm rõ việc ông Q giao tiền cho bà D, ông H bằng hình thức nào, tại đâu? Nếu đã chuyển tiền bằng chuyển

khoản qua hệ thống ngân hàng thì ông Q đã chuyển bao nhiêu tiền vào tài khoản nào và vào thời điểm nào? Việc chuyển tiền này có nhằm mục đích thực hiện hợp đồng nêu trên hay là thực hiện một thỏa thuận khác liên quan đến việc huy động vốn cho công ty TNHH Thanh Nguyên.

Nay vụ án được xét xử lại thì các vấn đề này đã thể hiện rõ trong hợp đồng cho vay tiền ngày 01/7/2010, công chứng ngày 09/8/2010 và là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 5 Luật Công Chứng, Điều 91, 92 Bộ Luật tố tụng dân sự. Bà D, ông H thừa nhận ký hợp đồng nhưng cho rằng việc ký hợp đồng chỉ là hình thức, do ông Q yêu cầu ký đê đảm B cho khoản tiền ông Q sẽ đi huy động vốn cho Công ty do bà D làm giám đốc. Bà D cho rằng ông Q chuyển khoản cho bà D một số tiền không xác định được nhận bao nhiêu tiền thì phải có nghĩa vụ chứng minh mình nhận của ông Q bao nhiêu tiền. Nếu ông Q không giao ngay tiền cho ông H, bà D như hợp đồng ký kết thì từ ngày ký hợp đồng đến ngày ông Q khởi kiện ra Tòa án tại sao không ra phòng công chứng để hủy hợp đồng vay tiền trên.

Số tiền ông H, bà D vay của ông Q 15.000.000.000đồng là để góp vốn vào công ty TNHH Thanh Nguyên. Đến ngày 11/10/2010, số vốn của công ty Thanh Nguyên là 16.000.000.000 đồng tăng lên thành 40.000.000.000đồng. Trong đó ông H vốn cũ tăng từ 2.000.000.000đồng lên 5.000.000.000đồng. Bà Đoàn Thị D vốn cũ 6.000.000.000đồng tăng lên 15.000.000.000đồng.Ông Q góp vốn 8.000.000.000 đồng, ông Lương Quốc B góp vốn 12.000.000.000 đồng. Như vậy vợ chồng ông H, bà D vay 15.000.000.000đồng của ông Q đã đưa vào góp vốn trong Công ty TNHH Thanh Nguyên ngày 11/10/2010 là 12.000.000.000đồng.

Trong bản giải trình của ông H, bà D ngày 25/5/2018 gửi Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết thừa nhận có ký những hợp đồng vay tiền như sau: Vay của ông Nguyễn Văn G 1.500.000.000đồng, vay ông Lương Quốc B 300.000.000đồng. Kí các hợp đồng với ông Lương Quốc B 03 hợp đồng tổng cộng vay 11.100.000.000đồng, với ông Nguyễn Đức Q 15.000.000.000đồng với ông Nguyễn Thành Đô 4.500.000.000đồng. Tổng cộng tiền vay là 32.400.000.000 đồng, thực tế bà D đã nhận 24.044.860.000đồng. Ngày 21/01/2011, bà D thế chấp hồ sơ và công trình dự án để vay ngân hàng VP Bank 20.000.000.000đồng và chuyển cho ông Q 15 tỷ đồng, sau đó trả thêm cho ông Q 1.415.000.000đồng. Tổng cộng trả cho ông Q 16.415.000.000đồng, nợ lại 7.629.860.000đồng.

Việc trả 15.000.000.000đồng của ông H, bà D là do Công ty TNHH Thanh Nguyên trả cho ông Nguyễn Đức Q trong khoản vay của Công ty với ông Q, không phải giữa ông Q với ông H, bà D, thể hiện việc chuyển tiền là của

Công ty TNHH Thanh Nguyên. Còn trả 1.415.000.000đồng là trả lợi nhuận của tiền vốn góp và tiền lương của ông Q trong Công ty TNHH Thanh Nguyên theo giấy xác nhận tài chính ngày 19/6/2012.

Nay ông Q yêu cầu vợ chồng ông Trương Minh H, bà Đoàn Thị D trả nợ gốc 15.000.000.000đồng, tiền lãi tính từ ngày 09/8/2010 đến ngày xét xử 29/11/2018 với mức lãi suất 20%/năm của 08 năm 03 tháng 19 ngày là 24.808.700.000đồng cho vợ chồng ông Q, bà Vân. Tổng cộng là 39.808.700.000 đồng.

Bị đơn, bà Đoàn Thị D, ông Trương Minh H trình bày tại văn bản ngày 25/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án:

Do tH vốn để tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện dự án Trường mầm non - Trường tiểu học Thanh Nguyên, với áp lực về tiến độ nên bà D bỏ hết tài sản của mình vào để thực hiện dự án, một mặt đi liên hệ xin vay vốn ưu đãi hỗ trợ giáo dục. Cuối năm 2009, bà D được giới thiệu ông Nguyễn Đức Q và ông hứa giúp Công ty TNHH Thanh Nguyên vay vốn ưu đãi ODA với thời gian sớm nhất là 03 tháng. Trong thời gian chờ duyệt vốn vay ông Q sẽ huy động từ những người trong Công ty của ông cho bà vay nhưng tính lãi suất cao 12% tháng và 10% phí dịch vụ. Khi vay được ưu đãi, bà sẽ hoàn trả. Sau đó ông Q đưa đến gặp ông Lương Quốc B, ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Thành Đô, những người này đưa tiền cho ông Q để ông Q cho bà D vay. Để đảm B cho số vay này ông Q yêu cầu bà D phải thực hiện các việc sau: Thế chấp tài sản, ký hợp đồng vay tiền có công chứng, đưa các ông vào thành viên Công ty có tỷ lệ góp vốn 50% vốn điều lệ, bổ nhiệm chức danh là Phó giám đốc phụ trách tài chánh Công ty TNHH Thanh Nguyên cho ông Nguyễn Đức Q. Toàn bộ việc giao, nhận, trả tiền của các bên đều giao cho ông Q. Cụ thể bà D, ông H đã thực hiện các yêu cầu của ông Q như:

- Ký thế chấp 03 tài sản để vay 1.800.000.000đồng.

- Ký các hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng Phan Thiết ký với ông Lương Quốc B 03 hợp đồng tổng cộng vay 11.100.000.000đồng, với ông Nguyễn Đức Q một hợp đồng ngày 01/7/2010 vay 15.000.000.000đồng, với ông Nguyễn Thành Đô 02 hợp đồng tổng cộng 4.500.000.000đồng.

- Người đại diện đứng tên vào thành viên Công ty TNHH Thanh Nguyên.

- Ngày 20/6/2010 ký quyết định bổ nhiệm chức danh Phó giám đốc phụ trách tài chánh cho ông Nguyễn Đức Q.

- Sau khi thực hiện các hình thức B đảm tiền vay, các ông Lương Quốc B, ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Thành Đô giao tiền cho ông Q (bà không

biết cụ thể). Sau đó ông Nguyễn Đức Q giao tiền cho bà D nhiều đợt (chuyển qua ngân hàng và tiền mặt).

Thể hiện trên các hợp đồng để B đảm tiền vay tổng cộng là 32.400.000.000đồng (trong đó có thế chấp tài sản 1.800.000.000đồng) nhưng thực tế bà D chỉ nhận 24.044.860.000đồng. Mỗi đợt chuyển, giao tiền cho bà D, ông Q đều tính số tiền mới giao cộng thêm tiền dịch vụ 10%, cộng thêm tiền lãi 12% của đợt tính gộp trước, thành số tiền vay mới và buộc bà xác nhận là tiền vay Công ty.

Việc hứa giúp Công ty vay vốn ưu đãi ODA sau 03 tháng là cái bẫy để lừa bà D, ông H mắc vào. Nếu để kéo dài thêm sẽ rất khó khăn, nên vào ngày 21/01/2011, bà D phải thế chấp toàn bộ hồ sơ công trình dự án để vay Ngân hàng VPBank 20.000.000.000đồng và ngay lập tức trả nợ cho ông Q 15.000.000.000 đồng và trả thêm 1.415.000.000đồng. Như vậy số tiền bà thực nhận từ ông Q là 24.044.860.000đồng, trừ 16.415.000.000đồng đã trả còn nợ lại 7.629.860.000 đồng. Ngoài số nợ này vợ chồng bà cũng như Công ty TNHH Thanh Nguyên không nợ bất kì khoản nào khác. Trong khi đó ông Lương Quốc B, ông Nguyễn Văn G (đại diện cho ông Nguyễn Thành Đô, ông Nguyễn Đức Q) còn giữ của bà hai tài sản thế chấp trị giá gần 15.000.000.000đồng.

Quá trình sự việc như trên chứng tỏ việc giao nhận 15.000.000.000đồng giữa vợ chồng bà D với ông Q ngay sau khi kí hợp đồng tại phòng công chứng là không có. Ông Q không có chứng cứ nào về việc đã giao 15.000.000.000 đồng một lần cho bà D, ông H. Do đó việc ông Q khởi kiện yêu cầu trả nợ 15.000.000.000đồng và tiền lãi là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy Vân trình bày: Thống nhất với phần trình bày nguyên đơn và yêu cầu bị đơn trả nợ cho vợ chồng bà.

Sau khi hòa giải không thành.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 49/2018/DS-ST, quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm đ khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 471, khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 1, khoản 2 Điều 468, điểm c, d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngay 30/12/2016.

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Đoàn Thị D, ông Trương Minh H phải trả cho ông Nguyễn Đức Q, bà Nguyễn Thị Thúy V số tiền gốc theo hợp đồng vay tiền ngày 01/7/2010, được công chứng ngày 09/8/2010 là 15.000.000.000 đồng (mười lăm tỷ đồng) và tiền lãi tính đến ngày 30/11/2018 là 24.224.300.000 đồng (hai mươi bốn tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 39.224.300.000 đồng (ba mươi chín tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên trả tiền lãi nếu chậm thi hành án, án phí, thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/12/2018, bà Đoàn Thị D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 13/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị đơn có ý kiến: Không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên, việc ký hợp đồng là có thật nhưng để đảm B cho khoản vay khác của ông Nguyễn Đức Q chứ không có việc giao nhận tiền từ hợp đồng vay trên. Đối với các khoản tiền đã ký hợp đồng vay để đảm B khoản vay mà ông Q huy động vốn phía Công ty Thanh Nguyên đã chuyển trả cho ông Q 15 tỷ đồng, việc ông Q cho rằng đây là khoản nợ khác là không đúng.

- Người B vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Việc kháng cáo của bà Đoàn Thị D không có căn cứ, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xem xét lại phần tính lãi của bản án sơ thẩm. Đối với với các chứng cứ liên quan để đánh giá thì xuất phát từ nhu cầu vay vốn của bà D, ông Q được tham gia với tư cách thành viên góp vốn, là phó giám đốc Công ty TNHH Thanh Nguyên, việc vay tiền theo hợp đồng được ký vào ngày 08/9/2010 là khoản vay cá nhân bà D với ông Q, liên quan đến khoản tiền trả 15 tỷ đồng mà Công ty TNHH Thanh Nguyên trả nợ cho ông Q (có chi tiết tại bản sao kê) là khoảng tiền vay 91 tỷ đồng không liên quan đến khoản vay 15 tỷ vay cá nhân.

-Nguyên đơn có ý kiến: Đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, riêng khoản tiền tính lãi theo hợp đồng vay được ký vào ngày 08/9/2010 yêu cầu xem xét giảm lãi được quy định tại Nghị quyết 01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao quy định về áp dụng lãi suất, cho nên nguyên đơn yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét lại phần lãi suất giảm cho bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng:Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết về yêu cầu tính lại khoản lãi vay , việc bản án nhận định áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 là không đúng, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án. Đề nghị hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về phần lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các bên đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm, nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Đoàn Thị D vẫn giữ nguyên kháng cáo cho rằng không có nhận khoản tiền vay 15.000.000.000đồng nên không chấp nhận trả tiền và lãi suất như bản án sơ thẩm đã tuyên. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị và quyết định thay đổi nội D kháng nghị số 113/QĐ-VKS-DS ngày 15/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết về khoản tính lãi tại bản án sơ thẩm số 49/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Xét về hợp đồng vay tài sản: Theo các đương sự Nguyễn Đức Q và bà Đoàn Thị D về hợp đồng cho vay tiền ngày 01/7/2010, được công chứng tại Văn phòng công chứng Phan Thiết ngày 9/8/2010, các đương sự đều thừa nhận đã tự nguyện đến tại Văn phòng công chứng ký hợp đồng vay tiền, việc ký hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện và không trái với các quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận và không phản đối mọi nội D của hợp đồng. Tuy nhiên, việc giải thích phương thức giao nhận tiền trong hợp đồng này giữa các bên đương sự khai mâu thuẫn với nhau. Nguyên đơn cho rằng nguyên đơn không phải chứng minh việc giao số tiền 15.000.000.000đồng cho bị đơn vì hợp đồng đã quy định rõ là phương thức thanh toán là giao tiền mặt một lần, ngay sau khi ký hợp đồng. Bị đơn cho rằng tuy có giao kết trên nội D hợp đồng nhưng thực tế là bị đơn không có nhận tiền và giữa các bên không lập biên bản giao nhận tiền.

Bị đơn Đoàn Thị D khai nại việc ký hợp đồng chỉ là để B đảm cho các khoản vay khác từ ông Q cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thanh Nguyên (mà bà D là giám đốc và là người quản lý) trong khi chờ nguồn vốn ODA đối với số tiền vay 32.400.000.000đồng như thực tế bà D chỉ nhận số tiền vay 24.044.860.000đồng từ ông Q – đại diện các khoản vay khác từ ông Q.

Sau khi làm thủ tục vay của Ngân hàng được số tiền 20.000.000.000đồng, bà D đã chuyển trả cho ông Q số tiền 15.000.000.000đồng cho ông Q và cho rằng đây là khoản tiền Công ty trách nhiệm hữu hạn Thanh Nguyên nợ của ông Q trong khoản vay 32.400.000.000đồng.

Ông Nguyễn Đức Q thừa nhận có nhận khoản tiền 15.000.000.000 đồng từ Công ty trách nhiệm hữu hạn Thanh Nguyên chuyển trả vào ngày 21/01/2011

bằng hình thức chuyển khoản cho ông như ông khai nại số tiền bà D trả là một nợ khác, không liên quan đến hợp đồng vay được ký vào ngày 09/8/2010 giữa ông Q và vợ chồng bà D. Như vậy có việc ông Q nhận tiền của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thanh Nguyên với số tiền 15.000.000.000đồng, như đó là khoản tiền nợ nào chưa rõ.

Quá trình xét xử tại Tòa án các cấp và tại quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử hủy bản án sơ thẩm số 18/2014/DSST ngày 24/4/2014 Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết và bản án phúc thẩm số 118/DSPT ngày 29/9/2014 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận yêu cầu làm rõ việc ông Q giao tiền cho bà D, ông H bằng hình thức nào, tại đâu?

Sau khi thụ lý giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ yêu cầu nguyên đơn chứng minh, nguyên đơn vẫn khẳng định có việc giao nhận tiền với bà D 01 lần tại văn phòng công chứng và không cần phải chứng minh vì Điều 2 của hợp đồng vay đã nói rõ phương thức vay.

Tại Tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng không cần thiết chứng minh việc giao nhận tiền vì tại Điều 2 của hợp đồng vay tiền đã nêu rõ "*Phương thức cho vay: cho vay bằng tiền mặt, giao tiền 01 lần, ngay sau khi kí kết hợp đồng tại văn phòng công chứng Phan Thiết, địa chỉ M7, đại lộ Tôn Đức Thắng, phường Xuân An, tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.*"

Tuy nhiên, hội đồng xét xử phúc thẩm làm rõ hình thức giao nhận tiền thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng hình thức khi giao nhận tiền theo hợp đồng đã ký kết là giao tiền mặt, giao một lần với số tiền 15.000.000.000đồng, loại tiền có mệnh giá 500.000.000đồng, tiền được giao cho vợ chồng bà D ông H và có mặt công chứng viên Phạm Thị Hiệu chứng kiến. Quá trình xét hỏi đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi lời trình bày cho rằng công chứng viên Phạm Thị Hiệu không thấy việc giao nhận tiền nhưng khẳng định việc giao nhận tiền được thực hiện tại văn phòng công chứng, sau khi ký kết hợp đồng.

Như vậy, việc trình bày của các đương sự còn nhiều vấn đề mâu thuẫn chưa được làm rõ trong quá trình thu thập tài liệu chứng cứ như:

[1] Việc thừa nhận khoản tiền 15.000.000.000đồng mà ông Nguyễn Đức Q nhận chuyển khoản từ bà D là khoản tiền vay nào? Là khoản nợ giữa cá nhân bà D với ông Q hay nợ khoản nợ giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Thanh Nguyên với ông Q,cần xem xét khoản tiền mà bà D đã chuyển cho ông Q là tiền của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thanh Nguyên thì phải đưa Công ty trách nhiệm hữu hạn Thanh Nguyên vào tham gia tố tụng.

[2] Nếu là tiền của Công ty thì việc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thanh Nguyên chuyển trả 15.000.000.000đồng cho ông Q có thông qua hội đồng thành viên Công ty không? Yêu cầu thu thập tài liệu gồm biên bản họp thành viên Công ty liên quan việc chuyển trả 15.000.000.000đồng cho ông Q để thanh toán khoản nợ nào? Thu thập giấy chứng nhận góp vốn của các thành viên công ty

Thanh Nguyên.

[3] Đối với việc giao nhận tiền theo hợp đồng được ký tại văn phòng công chứng, ngoài ông Q, bà D ông H và công chứng viên tại văn phòng công chứng thì có ai khác chứng kiến việc giao nhận tiền không? Ghi lời khai của công chứng viên Phạm Thị Hiệu sau khi ký công chứng có chứng kiến việc giao nhận tiền giữa ông Q và vợ chồng bà D ông H diễn ra tại phòng công chứng không? Nếu có giao tiền thì chứng kiến việc giao tiền như thế nào đối với số tiền 15.000.000.000đồng tiền mặt.

Từ những tH xót trên Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ làm rõ như vấn đề nêu trên.

Do bản án bị hủy nên không xem xét phần kháng nghị của Viện kiểm sát thành phố Phan Thiết.

Bà D không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 49/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận giải quyết theo thủ tục chung.

Đối với khoản tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm của ông Nguyễn Đức Q được tiếp tục tạm giữ để giải quyết theo quy định.

Bà D không phải nộp án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND tp. Phan Thiết
- Chi cục THADS tp. Phan Thiết ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;Tòa DS;Tổ HCTP.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Thái